TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/LĐ-ST
Ngày: 19-7-2022
V/v: "Tranh chấp về trợ cấp thất nghiệp".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân

Bà Trần Ngọc Phương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST-LĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về trợ cấp thất nghiệp", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-LĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông DS, sinh năm 1987; thường trú: AK2A, xã TT, huyện VT, tỉnh KG; tạm trú: 22A/20 khu phố Bình Phước A, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Đức Lợi 2; Địa chỉ: 47/4 khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông TTL, sinh năm 1988, chức vụ: Trưởng phòng hành chính nhân sự; thường trú: khu phố TX, phường QT, thành phố SS, tỉnh TH; tạm trú: Công ty TNHH Đức Lợi 2; Địa chỉ: 47/4, khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2022), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2022, bản tự khai ngày 23/5/2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông DS trình bày: Ông S vào làm việc tại Công ty TNHH Đức Lợi 2 từ tháng 4/2009. Đến khoảng tháng 9 hay tháng 10

năm 2021 (ông Sậy không nhớ rõ thời gian) thì ông S xin nộp đơn nghỉ việc và đến ngày 28/10/2021 Công ty ban hành quyết định thôi việc số 17 QĐ-2021.

Tuy nhiên, kể từ ngày nhận quyết định thì công ty không làm thủ tục để chốt sổ bảo hiểm đúng quy định làm ông S không liên hệ Bảo hiểm xã hội để làm hồ sơ nhận trợ cấp hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tổng thời gian ông S tham gia bảo hiểm xã hội 10 năm 11 tháng. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc: 5.475.000 đồng/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 50 Luật việc làm năm 2013 thì ông S được hưởng 10 tháng thất nghiệp.

Theo đơn khởi kiện, do ông S tính nhầm nên trình bày công ty chỉ mới bồi thường được 02 tháng, hiện nay ông S xác định là công ty đã bồi thường cho ông S được 03 tháng trợ cấp thất nghiệp nên ông S xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu công ty bồi thường tháng thứ 8, chỉ yêu cầu công ty bồi thường cho ông Sậy 07 tháng trợ cấp thất nghiệp x 60% x 5.475.000 đồng, thành tiền 22.995.000 đồng và chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông.

- Tại văn bản ngày 16/5/2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông TTL trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông S về thời gian giao kết hợp đồng và thời gian chấm dứt hợp đồng lao động. Vì tình hình dịch covid dẫn đến hiệu quả doanh thu thấp nên công ty có chậm làm thủ tục cho người lao động nhận trợ cấp thất nghiệp trong thời gian luật định. Công ty đã trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho ông DS được 03 tháng với số tiền 3.285.000 đồng/tháng, thành tiền 9.855.000 đồng, ông Sậy có ký nhận. Nay ông S yêu cầu công ty chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Danh Sậy thì công ty đồng ý, đối với yêu cầu phải bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp số tiền 22.995.000 đồng cho 07 tháng còn lại thì công ty không đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 50 của Luật việc làm, khoản 3 Điều 34, Điều 47, Điều 168 Bộ luật lao động; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường trợ cấp thất nghiệp của ông DS đối với tháng thứ 8.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông DS về việc yêu cầu Công ty TNHH Đức Lợi 2 chốt sổ bảo hiểm xã hội.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông DS về việc Công ty TNHH Đức Lợi 2 phải bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Ông DS khởi kiện Công ty TNHH Đức Lợi 2 về việc bồi thường trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp và chốt sổ bảo hiểm xã hội trong quan hệ lao động. Toà án thụ lý giải quyết theo điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về trợ cấp thất nghiệp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH Đức Lợi 2 có trụ sở tại địa chỉ 47/4 khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất ông DS là người lao động làm việc tại Công ty TNHH Đức Lợi 2 từ tháng 4 năm 2009, đến ngày 28 tháng 10 năm 2011 thì các bên thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động. Việc thừa nhận của các đương sự là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình làm việc tại thì Công ty TNHH Đức Lợi 2 có tham gia đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội cho ông S và hàng tháng đều khấu trừ 10,5% các khoản tiền Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Theo công văn số 166/CV-BHXH ngày 27/6/2022 của Bảo hiểm xã hội Thuận An thì Công ty TNHH Đức Lợi 2 có tham giam Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động cho ông DS với mã số bảo hiểm xã hội 7410070952 đến tháng 01 năm 2021.

Như vậy, việc các đương sự thống nhất thời gian hai bên chấm dứt hợp đồng lao động vào tháng 10 năm 2021 nên Công ty TNHH Đức Lợi 2 phải có trách nhiệm đóng các khoản Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động cho ông Danh Sậy đến tháng 10 năm 2021.

Xét yêu cầu của ông DS về việc yêu cầu Công ty TNHH Đức Lợi 2 bồi thường cho ông Sậy 07 tháng trợ cấp thất nghiệp x 60% x 5.475.000 đồng, thành tiền 22.995.000 đồng và chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Sậy thì hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 45, khoản 2 Điều 50, khoản 1 Điều 59 Luật việc làm năm 2015 và khoản 7 Điều 18 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp thì thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp liên tục hoặc không liên tục hoặc không liên tục được cộng dồn từ khi đóng bảo hiểm thất nghiệp cho đến khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật mà chưa được hưởng trợ cấp thất

nghiệp. Như vậy, khoảng thời gian ông S và công ty đã đóng bảo hiểm thất nghiệp nhưng ông Sậy chưa được hưởng thì được bảo lưu để cộng dồn vào lần tiếp theo khi ông S làm thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Cơ quan có trách nhiệm việc chi trả bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động là tổ chức bảo hiểm xã hội. Hiện nay, ông S còn đang trong độ tuổi lao động và ông xác dịnh ông không bị mất sức lao động. Do đó, việc ông S khởi kiện Công ty TNHH Đức Lợi 2 bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là không có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà ông S yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu công ty phải bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp tháng thứ 8 vì ông tính nhầm nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ đối với yêu cầu này theo quy định tại Điều 5 khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông DS cung cấp "bản kê thanh toán BHTN cho người lao động", tuy nhiên ông Sậy không yêu cầu công ty phải tiếp tục thực hiện theo bản kê này mà chỉ yêu cầu công ty nhanh chóng làm theo quy định của pháp luật để ông được nhận tiền trợ cấp thất nghiệp, người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền mà Công ty đã bồi thường cho ông S là 9.855.000 đồng. Do đó, hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự và không xem xét.

Từ nhận định trên, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông DS đối với yêu cầu công ty chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông S.

[4] Xét đề nghị của Viện Kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[5] Về án phí: Ông S được miễn án phí theo qui định của pháp luật. Công ty TNHH Đức Lợi 2 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 45, Điều 50 Luật Việc làm,

- Khoản 3 Điều 34, Điều 46, Điều 168 Bộ luật lao động;

- Các Điều 32, 35, 39, 92, 147, 244, 266, 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu Công ty TNHH Đức Lợi 2 bồi thường trợ cấp thất nghiệp tháng thứ 8 của ông D

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông DS về việc yêu cầu Công ty TNHH Đức Lợi 2 phải bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông DS về việc yêu cầu Công ty TNHH Đức Lợi 2 chốt sổ bảo hiểm xã hội.

Buộc Công ty TNHH Đức Lợi 2 có trách nhiệm đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội cho ông DS từ thời điểm công ty chậm đóng bảo hiểm xã hội tính từ tháng 02/2021 cho đến khi hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng là ngày 28/10/2021 với mã số bảo hiểm xã hội 7410070952.

4.Về án phí sơ thẩm: Ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH Đức Lợi 2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhâm